

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 5- 2021

V/v chị V xin ly hôn anh B

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021. Về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị V - Sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm 9-10 Công Điền Chỉ Thiện, xã N, huyện N, tỉnh N

+ Bị đơn: Anh Đoàn Văn B - Sinh năm 1997

Địa chỉ: Xóm 9-10 Công Điền Chỉ Thiện, xã N, huyện N, tỉnh N

Tại phiên tòa vắng mặt chị V và anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 14/3/2021 cũng như lời khai của chị Trần Thị V trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Đoàn Văn B vào tháng 4/2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N Sau khi kết hôn, chị và anh B chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh B chơi bời

thiếu quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ tháng 02/2020 đến nay chị và anh B sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn nên chị xin được ly hôn anh Đoàn Văn B. Về con chung giữa chị và anh Đoàn Văn B có một con chung là Đoàn Trần Bảo Ch sinh ngày 05/5/2018, hiện đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ch và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung giữa chị và anh Đoàn Văn Bình thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do điều kiện công việc bận chị không tham gia phiên tòa được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đoàn Văn B vắng mặt nhưng anh B có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Trần Thị V về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị V. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng không có gì lớn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống và về kinh tế gia đình. Từ tháng 10/2020 đến nay anh và chị V sống ly thân nhau. Nay chị V xin ly hôn anh thì anh không nhất trí vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và con còn nhỏ, anh mong chị V suy nghĩ lại để về đoàn tụ. Về con chung giữa anh và chị Trần Thị V có một con chung là Đoàn Trần Bảo Ch sinh ngày 05/5/2018, hiện cháu Ch đang do chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ch và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung giữa anh và chị Trần Thị V thì anh không yêu cầu giải quyết. Về án phí, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Đoàn Văn B. Về con chung: Giao cháu Đoàn Trần Bảo Ch sinh ngày 05/5/2018 cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đoàn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị V. Về án phí, đề nghị tuyên chị Trần Thị V phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên

toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị V và anh Đoàn Văn B đều cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N Nay chị V xin ly hôn anh B và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa chị Trần Thị V và anh Đoàn Văn B vắng mặt nhưng chị V đã có đơn xin xét xử vắng mặt và anh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh B là phù hợp với khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị V và anh Đoàn Văn B được tổ chức kết hôn vào tháng 4/2018, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị V và anh B chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh B không được cải thiện. Từ tháng 02/2020 đến nay chị V và anh B sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh B đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị V xin được ly hôn anh B nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh B không nhất trí ly hôn chị V và xin đoàn tụ với lý do vợ chồng còn tình cảm và vì con chung còn nhỏ thấy không có căn cứ nên yêu cầu của anh B không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị V và anh Đoàn Văn B có một con chung là Đoàn Trần Bảo Ch sinh ngày 05/5/2018, hiện đang do chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị V và anh B đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ch và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy chị V và anh B đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ch nhưng hiện cháu Ch còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu Ch cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, phía chị V không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V là tự nguyện nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị V và anh Đoàn Văn B đều không yêu cầu giải quyết tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Trần Thị V phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Trần Thị V và anh Đoàn Văn B.

2- Về con chung: Giao cháu Đoàn Trần Bảo Ch sinh ngày 05/5/2018 cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Đoàn Trần Bảo Ch đang do chị Trần Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Đoàn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Trần Thị V đối với cháu Đoàn Trần bảo Ch. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí: Chị Trần Thị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị V đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2019/0004159 ngày 24/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Trần Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị V và anh B. Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKS huyện N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng